

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 261/2024/DS-PT  
Ngày: 06-6-2024  
V/v “Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thúy Lành

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 208/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:**

1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1966;

2. Bà Nguyễn Thị Bích L1, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông L:** Ông Lê Văn N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 02-01-2024).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn L – Bị đơn.

( Bà M, ông L và ông N có mặt; bà L1 vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20-6-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Vào ngày 18-3-2021, bà có cho vợ chồng ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị Bích L1 vay số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn, lúc mượn bà L1 trực tiếp đến gặp bà, bà yêu cầu có mặt đủ hai vợ chồng bà L1, ông L thì mới cho mượn tiền nhưng bà L1 cho nói ông L đang bận nên có gọi điện thoại cho bà nói chuyện với ông L, ông L đồng ý bà mới cho mượn số tiền trên, thỏa thuận trả trong vòng 20 ngày. Bà nhiều lần yêu cầu ông L, bà L1 trả tiền nhưng bà L1 và ông L không thực hiện. Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị Bích L1 phải liên đới trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn ông Trần Văn L trình bày:*

Ông và bà M không quen biết nhau. Sau này khi bà M đến tìm ông để đòi tiền ông mới biết. Việc bà M cho vợ ông vay số tiền 100.000.000 đồng ông hoàn toàn không biết, hiện bà L1 đã bỏ nhà đi khoảng một năm nay nhưng ông không biết đi đâu. Theo giấy mượn tiền ghi ngày 18-3-2021 mà bà M cung cấp thì ông không nhớ chính xác có phải là chữ ký của bà L1 hay không, còn chữ viết “Nguyễn Thị Bích L1” ông xác nhận là chữ viết của bà L1. Do vậy, ông L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M vì ông không có vay, mượn tiền bà M.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.*

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 208/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa quyết định:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị Bích L1 và ông Trần Văn L.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L1 và ông Trần Văn L phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18-9-2023, bị đơn ông Trần Văn L kháng cáo không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng bà L1 trả cho bà M số tiền 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của ông L trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Theo hồ sơ thể hiện bà L1 có vay của bà M 100.000.000 đồng vào ngày 18-3-2021. Ông L thừa nhận bà L1 là vợ của ông và chưa ly hôn, chữ viết trên biên nhận vay tiền là chữ viết của bà L1. Ông L không chứng minh được bà L1 vay tiền để phục vụ cho cá nhân, không có căn cứ chứng minh bà L1 bỏ đi khỏi địa phương. Kháng cáo của ông L không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn L đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Bà M khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị Bích L1 phải liên đới trả cho bà số tiền vay 100.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét thấy, tại giấy mượn tiền lập ngày 18-3-2021 có nội dung: cô L1 mượn 100.000.000 đồng, có chữ ký và ghi họ, tên của bà Nguyễn Thị Bích L1, không thỏa thuận lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ. Nhưng ông L thống nhất với lời khai của bà M tại phiên tòa phúc thẩm như sau: Bà L1 có vay tiền của bà M 02 lần, lần một vào ngày 17-3-2021 vay 20.000.000 đồng và lần hai vào ngày 18-3-2021 vay 80.000.000 đồng, tổng cộng số tiền vay là 100.000.000 đồng; thời gian trước thì bà L1 đóng lãi; từ ngày 15-12-2022, tháng 01, 02, 3, 4 năm 2023 ông L có trả lãi cho bà L1 mỗi tháng 1.000.000 đồng và tháng 6 năm 2023 ông L có đóng lãi 1.000.000 đồng, từ tháng 7 năm 2023 đến nay ông L và bà L1 không có đóng lãi. Bà M có cung cấp chứng từ giao dịch của Agribank thì ông Trần Văn L

có chuyển khoản cho bà M 1.000.000 đồng vào ngày 06-3-2023 và 1.000.000 đồng vào ngày 12-4-2023. Ông L cũng thừa nhận hai khoản tiền này do ông chuyển khoản cho bà M để trả lãi cho số tiền vay trên.

[5] Nên có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tiền, có lãi 1%/tháng và không có kỳ hạn. Tuy nhiên, ngày 20-6-2023 bà M khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm đã Thông báo thụ lý vụ án số 432/TB-TLVA ngày 25-7-2023 cho ông L và bà L1 biết. Như vậy, từ ngày Thông báo thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm (14-9-2023) được xem là thời gian báo trước hợp lý theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Ông L thừa nhận chữ viết tên: “Nguyễn Thị Bích L1”, ghi trong giấy mượn tiền là chữ viết của bà L1, còn chữ ký tên thì ông không nhớ chính xác nhưng cũng không phản bác. Như vậy, chứng cứ do bà M cung cấp nêu trên là tài liệu, chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[7] Ông L thừa nhận ông và bà L1 kết hôn năm 1988, đến nay chưa ly hôn. Như vậy việc vay tiền của bà L1 là trong thời kỳ hôn nhân. Ông L cho rằng bà L1 vay tiền sử dụng vào mục đích riêng của bà L1, còn ông có trả tiền lãi cho bà M là do bị ép buộc nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Tại Bản tư khai ngày 31-7-2023, ông L trình bày, hiện bà L1 đã bỏ đi cả năm nay nhưng ông không biết đi đâu. Như vậy, bà L1 vay tiền của bà M vào ngày 18-3-2021 là trước khi bà L1 bỏ đi khỏi địa phương. Hơn nữa, ông L cũng không cung cấp được xác nhận của Công an xã An Ninh Đông về việc bà L1 không còn ở tại địa phương trước khi vay tiền.

[8] Ông L có cung cấp tài liệu thể hiện: Đơn trình báo của ông L khai bà L1 bỏ đi vào tháng 12-2020; tờ xác nhận của con tên Trần Thị Hồng L khai mẹ (bà L1) bỏ đi từ ngày 10-11-2019; Biên bản cuộc họp gia đình thì xác định sau ngày 25-12-2019 bà L1 không còn sống chung ông L. Xét thấy, những tài liệu trên có mâu thuẫn về thời gian bà L1 bỏ đi khỏi địa phương và mâu thuẫn với Bản tư khai ngày 31-7-2023 của ông L nên không đáng tin cậy.

[9] Do bà L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà L1 và ông L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số nợ gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét. Ông L kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ cho bà M là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông L là có căn cứ.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 208/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa;

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị Bích L1 và ông Trần Văn L.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L1 và ông Trần Văn L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L1 và ông Trần Văn L phải có trách nhiệm liên đới chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0004132 ngày 24-7-2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0005699 ngày 18-9-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thu**

